

Số: 369 /TB-BVNHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc báo giá và nộp hồ sơ xét chọn các mặt hàng thuộc
Danh mục thuốc, vật tư – thiết bị y tế
bổ sung lần 2 sử dụng tại Nhà thuốc bệnh viện năm 2025**

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh/nhà cung cấp thuốc và vật tư – thiết bị y tế tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-BVNHN ngày 28/07/2025 của Giám đốc bệnh viện Nhi Hà Nội về việc phê duyệt Danh mục thuốc, vật tư – trang thiết bị y tế bổ sung lần 2 sử dụng tại Nhà thuốc bệnh viện năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội.

Để đảm bảo tốt nhất cho hoạt động khám chữa bệnh cũng như công tác điều trị theo yêu cầu tại Bệnh viện, Bệnh viện Nhi Hà Nội tổ chức xét chọn các mặt hàng thuộc Danh mục thuốc, vật tư – thiết bị y tế bổ sung lần 2 sử dụng tại Nhà thuốc bệnh viện năm 2025 (chi tiết danh mục theo phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm), với nội dung cụ thể như sau:



I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu xét hồ sơ:

1. Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Nhi Hà Nội.

Địa chỉ: Phường Dương Nội - Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Bộ phận Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội

- Điện thoại: 0842682000 (Ds. Hùng)

- Email: duocnhihn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận hồ sơ:

- **Nhận trực tiếp tại địa chỉ:** Phòng Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội- Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.

- Tài liệu được đóng gói, bên ngoài ghi rõ các thông tin:

Người gửi: Tên công ty/đơn vị gửi hồ sơ, địa chỉ công ty/đơn vị.

Nội dung tài liệu “Hồ sơ theo Thông báo số/TB-BVNHN ngày/...../2025”

- Người nhận: Bộ phận Văn thư – Bệnh viện Nhi Hà Nội

- **Nhận thư điện tử** tại địa chỉ email: duocnhihn@gmail.com bao gồm bản scan hồ sơ công ty, hồ sơ sản phẩm và báo giá theo mẫu Phụ lục 4, Phụ lục 5 đính kèm.

(Lưu ý: các đơn vị gửi hồ sơ theo 2 hình thức nêu trên)

4. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến trước 16h30 ngày 03 tháng 08 năm 2025.

Các hồ sơ nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung hồ sơ yêu cầu:

1. Danh mục mua sắm: chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm.

2. Biểu mẫu báo giá: theo mẫu Phụ lục 4, Phụ lục 5 đính kèm, có chữ ký, đóng dấu người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Hồ sơ tham dự:

- Hồ sơ yêu cầu đối với Danh mục thuốc:

STT	Tên giấy tờ
Hồ sơ công ty	
1	Giấy đăng ký kinh doanh
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
3	GDP còn hiệu lực
4	Cam kết về giá và thu hồi sản phẩm khi không bán được (theo Phụ lục 3 đính kèm)
Hồ sơ sản phẩm	
1	Bảng báo giá
2	Giấy phép lưu hành sản phẩm
3	Mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng
4	Tờ khai hải quan (đối với sản phẩm nhập khẩu)
5	Giá kê khai
6	Kết quả trúng thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi tại các cơ sở y tế khác (nếu có)
7	03 hóa đơn của sản phẩm đó bán cho 03 cơ sở y tế khác (nếu có)

- Hồ sơ đối với Danh mục vật tư – thiết bị y tế:

STT	Tên giấy tờ
Hồ sơ công ty	
1	Giấy đăng ký kinh doanh
2	Công bố đủ điều kiện mua bán TTYBT
3	Cam kết về giá và thu hồi sản phẩm khi không bán được (theo Phụ lục 3 đính kèm)
Hồ sơ sản phẩm	
1	Bảng báo giá
2	Giấy phép lưu hành sản phẩm (Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với loại A, B; số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với loại C, D; hoặc GPNK)
3	Công bố tiêu chuẩn chất lượng

4	Mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng
5	Tờ khai hải quan (đối với sản phẩm nhập khẩu)
6	Giá kê khai (Nếu có)
7	Kết quả trúng thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi tại các cơ sở y tế khác (nếu có)
8	03 hóa đơn của sản phẩm đó bán cho 03 cơ sở y tế khác (nếu có)

III. Thời gian mua sắm dự kiến: Từ tháng 07/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT, KD (02b).

GIÁM ĐỐC 



Ngô Quang Hùng

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC BỔ SUNG LẦN 2 SỬ DỤNG TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2025

(Đính kèm Thông báo số 369/TB-BVNHN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
1	Betamethason; Dexchlorpheniramin maleat	0,25mg/5ml; 2mg/5ml x 75ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lo/ống/gói/túi	100
2	Glucose khan 4g; Kali clorid 0,3g; Natri citrat 0,58g; Natri clorid 0,7g	Glucose khan 4g; Kali clorid 0,3g; Natri citrat 0,58g; Natri clorid 0,7g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	4	Chai/lo/ống/gói/túi	5.000
3	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrate)	200mg/5ml x 15ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Chai/lo/ống/gói/túi	1.000
4	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	50mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Chai/lo/ống/gói/túi	5.000
5	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil)	200mg	Uống	Viên nén phân tán	4	Viên	2.000
6	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	200mg	Uống	Viên nén bao phim	5	Viên	5.000

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
7	Cefpodoxim	100mg/5ml x 70ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	500
8	Ceftibuten dihydrat (tương đương với Ceftibuten)	1,1750g/60ml x 60ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	5	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
9	Palivizumab	50mg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/lọ/ống/gói/túi	20
10	Palivizumab	100mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/lọ/ống/gói/túi	20
11	Arginin hydroclorid 1g/5ml	1g/5ml x 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	500
12	L-Arginine Hydrochloride	1000mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Chai/lọ/ống/gói/túi	500
13	Magnesi lactat dyhydrat 186mg Magnes pidolat 936mg pyridoxin hydroclorid 10mg	186mg; 936mg; 10mg/10ml x 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000



STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
14	Mỗi 10ml chứa: Calci glycerophosphat (tương ứng với 40mg calci và 31mg phospho) 210mg; L-Lysin hydrochlorid 200mg; Vitamin A(Retiny)l palmitat) 1000IU; Vitamin B1 (Thiamin nitrat) 3mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 3mg; Vitamin B6 (Pyridoxin. HCl) 2mg; Vitamin C (Acid ascorbic) 12mg; Vitamin D3 (Cholecalciferol) 100IU; Vitamin E (dl-alpha-Tocopheryl acetat) 10mg	Mỗi 10ml chứa: Calci glycerophosphat (tương ứng với 40mg calci và 31mg phospho) 210mg; L-Lysin hydrochlorid 200mg; Vitamin A(Retiny)l palmitat) 1000IU; Vitamin B1 (Thiamin nitrat) 3mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 3mg; Vitamin B6 (Pyridoxin. HCl) 2mg; Vitamin C (Acid ascorbic) 12mg; Vitamin D3 (Cholecalciferol) 100IU; Vitamin E (dl-alpha-Tocopheryl acetat) 10mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	10.000
15	Mỗi 5ml chứa: Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat) 10mg	20mg/10ml x 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
16	Gabapentin	400mg	Uống	Viên nén bao phim	4	Viên	1.000
17	Drotaverine hydrochloride	40mg	Uống	Viên	1	Viên	500



STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
18	Desloratadin	1,25mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
19	Rupatadin	5mg/5ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
20	Piracetam	6000mg/60ml x 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	500
21	Piracetam	1200mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
22	Aciclovir	200mg	Uống	Viên	2	Viên	500
23	Aciclovir	800mg	Uống	Viên	4	Viên	200
24	Aciclovir	5%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	100
25	Diethyl phtalat	0,3mg/ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
26	Diosmectite	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
27	Gelatin tannat	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
28	Lactulose	10g/15ml x 15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	1	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
29	Lactulose	10g/15ml x 200ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	1	Chai/lọ/ống/gói/túi	500
30	Macrogol 4000	10g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
31	Pancreatin 300mg tương đương với (Amylase 18000 đơn vị Ph.Eur; Lipase 25000 đơn vị Ph. Eur; Protease: 1000 đơn vị Ph.Eur)	Pancreatin 300mg tương đương với (Amylase 18000 đơn vị Ph.Eur; Lipase 25000 đơn vị Ph. Eur; Protease: 1000 đơn vị Ph.Eur)	Uống	Viên	1	Viên	1.000
32	Mỗi 15ml chứa: Xanh methylen 150mg	150mg/15ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	100

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
33	Magnesium glutamate HBr, Acid gama amino butyric, Acid gama amino beta hydroxy butyric, Pyridoxin HCl	100mg, 100mg, 50mg, 50mg/5ml x 80ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	1	Chai/lọ/ống/gói/túi	100
34	γ -amino- β -hydroxy-butyric acid (GABOB) 0,037g; γ -amino butyric acid (GABA) 0,075g; Magnesium glutamate hydrobromide (MGH) 0,075g; Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride) 0,037g	γ -amino- β -hydroxy-butyric acid (GABOB) 0,037g; γ -amino butyric acid (GABA) 0,075g; Magnesium glutamate hydrobromide (MGH) 0,075g; Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride) 0,037g	Uống	Viên	1	Viên	1.000
35	Mỗi 15ml chứa: Sắt protein succinylat 800mg tương ứng với Fe (III) 40mg	Mỗi 15ml chứa: Sắt protein succinylat 800mg tương ứng với Fe (III) 40mg x 7,5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
36	Sắt protein Succinylate (tương đương 40mg Fe ³⁺)	800mg/15ml x 15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000
37	Ambroxol hydrochloride	0,9g/150ml x 150ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	2	Chai/lọ/ống/gói/túi	500

[illegible]

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC VẬT TƯ - THIẾT BỊ Y TẾ BỔ SUNG LẦN 2 SỬ DỤNG TẠI
NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2025**

(Đính kèm Thông báo số 369/TB-BVNHN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

STT	Tên hàng hoá	Phân loại BHYT	Thông số kỹ thuật của hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ Cassette chứa thuốc cho bơm tiêm kiểm soát đau	C	- Thuốc được bảo quản an toàn bên trong cassette bởi cơ chế khoá cơ học - Túi đựng thuốc bên trong cassette được tiết trùng, làm bằng nhựa PVC với DEHP - Dung tích: 100ml - Có kẹp khoá để khoá dòng chảy thuốc - Van nối được dùng để bao phủ ngoài mỗi nối tránh rò rỉ thuốc - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Cái/Bộ	100
2	Buồng đệm, loại mặt nạ chụp	A	- Buồng đệm chống tĩnh điện, dùng cho bình xịt định liều pMDI - Van hít 1 chiều kháng lực thấp - Đầu gắn silicon tương thích với nhiều loại bình pMDI - Mặt nạ chụp cỡ trung bình (Medium) cho trẻ em - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Cái/Bộ	100
3	Buồng đệm, loại ống ngậm miệng	A	- Buồng đệm chống tĩnh điện, dùng cho bình xịt định liều pMDI - Van hít 1 chiều kháng lực thấp - Còi cảnh báo khi hít quá mạnh - Đầu gắn silicon tương thích với nhiều loại bình pMDI - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Cái/Bộ	100

STT	Tên hàng hoá	Phân loại TBYT	Thông số kỹ thuật của hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
4	Dung dịch nước muối nhỏ mũi	A	- Thành phần: Natri Clorid 3g, Natri Hyaluronate 0.02g / 100ml - Thể tích: 5ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Ống	2000
5	Dung dịch xịt mũi	A	- Thành phần: Natri Clorid 3g, Natri Hyaluronate 0.02g / 100ml - Thể tích: ≥ 100ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Chai/Lo/Hộp	500
6	Dụng cụ xịt rửa mũi	A	- 1 bộ dụng cụ rửa mũi gồm: - 1 Spray-sol, để phun sương - 1 ống xi lanh - Phụ kiện khác: 1 hộp đựng để bảo quản sản phẩm; 1 nắp bảo vệ xi lanh; 1 đầu bảo vệ silicon mềm; 1 đầu hút dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Chai/Lo/Hộp	100
7	Bột nhuận tràng	B	- Thành phần: Polyethylenglycol 3350 (PEG 3350/ Macrogol 3350): 98.658g / 100g - Khối lượng: 5g - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Gói	1000
8	Bột nhuận tràng	B	- Thành phần: Polyethylenglycol 3350 (PEG 3350/ Macrogol 3350): 98.658g / 100g - Khối lượng: 100g - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Chai/Lo/Hộp	500

STT	Tên hàng hoá	Phân loại TBYT	Thông số kỹ thuật của hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
9	Nước biển sâu vệ sinh mũi hàng ngày cho trẻ sơ sinh từ 0-3 tuổi	A	- Thành phần: nước biển 31,82ml; nước tinh khiết vừa đủ - Thể tích: $\geq 50\text{ml}$ - Bình xịt áp xuất với khí nén (nitrogen) - Dạng bao chế: Dung dịch được giữ trong khoang chứa, trong bao bì riêng và không tiếp xúc với khí nitrogen - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Chai/Lọ/Hộp	1000
10	Nước súc miệng, họng	A	- Thành phần: Purified water, Sodium bicarbonate, sodium borate, sodium benzoat, nano silver, polyethylene glycol 40 hydrogenated - Dạng bao chế: Dung dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương - Thể tích: $\geq 300\text{ml}$ - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Chai/Lọ/Hộp	500
11	Dung dịch vệ sinh mũi	A	- Thành phần: Bình đựng bằng nhôm, xịt với áp xuất khí nén, dung dịch đựng trong khoang chứa riêng. Hệ thống phun sương vi hạt. Sodium bicarbonate, Sodium chloride (NaCl 1,9%), Khoáng vi lượng (Kẽm, Đồng, Mangan) - Thể tích: $\geq 100\text{ml}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Chai/Lọ/Hộp	500

STT	Tên hàng hoá	Phân loại BHYT	Thông số kỹ thuật của hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
12	Viên đặt giúp liền nhanh vết thương hở, hỗ trợ điều trị nứt kẽ hậu môn, trĩ	B	- Thành phần: Copolymer of 2-hydroxyethylmethacrylate 10%; Witepsol W 25: 90% - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Viên	150
13	Gel bôi trị vết thương hở, hỗ trợ điều trị nứt kẽ hậu môn, trĩ	B	- Thành phần: Copolymer of 2-hydroxyethylmethacrylate 10%; Macrogol 300:46%; Nước tinh khiết 44%; 5g - Khối lượng: $\geq 5g$ - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Tuýp	50
14	Gel bôi trị vết thương hở, hỗ trợ điều trị nứt kẽ hậu môn, trĩ	B	- Thành phần: Copolymer of 2-hydroxyethylmethacrylate 10%; Macrogol 300:46%; Nước tinh khiết 44% - Khối lượng: $\geq 15g$ - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Tuýp	150
15	Dung dịch nước muối điện hoá	A	- Hoạt chất: Muối dương NaCl - Nồng độ/Hàm lượng NaCl: 2000-5000mg/l - Thế oxy hóa khử (ORP) $>850mV$ - Clo hoạt tính: 200 - 500mg/l - pH: 5-8 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Chai/Lọ/Hộp	1000



STT	Tên hàng hoá	Phân loại TBYT	Thông số kỹ thuật của hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
16	Gel Nano Bạc	A	- Hoạt chất: nano bạc. - Hàm lượng bạc: 135-165mg/Kg - Khối lượng: $\geq 20g$ - pH: 5-7 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Tuýp	500
17	Dung dịch Nano Bạc	A	- Hoạt chất: Nano bạc. - Hàm lượng bạc: 25,5-34,5mg/Kg - Thể tích: $\geq 50ml$ - pH: 5-7 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Hoặc thông số kỹ thuật tương đương	Chai/Lo/Hộp	500
Tổng cộng: 17 khoản					

PHỤ LỤC 3: Cam kết về giá và thu hồi sản phẩm khi không bán được
(Đính kèm Thông báo số /TB_BVNHN ngày tháng năm của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BẢN CAM KẾT

Kính gửi : Bệnh viện Nhi Hà Nội

Doanh nghiệp chúng tôi là:

Có địa chỉ tại:.....

Số điện thoại:.....

Người đại diện theo pháp luật:

Công ty gửi đến Bệnh viện hồ sơ công ty, hồ sơ sản phẩm và bản cam kết:

1. Cam kết về hồ sơ:

Công ty cam kết tất cả các hồ sơ mà công ty gửi đến Bệnh viện Nhi Hà Nội là xác thực và đúng với hồ sơ gốc. Nếu các cơ quan thanh tra, kiểm tra và bảo vệ pháp luật phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết đảm bảo chất lượng hàng hoá:

Công ty cam kết đảm bảo chất lượng hàng hoá do chúng tôi phân phối:

- Chất lượng mẫu mã đúng như đã đăng ký với Cục Quản lý Dược, Vụ TTB và công trình y tế, Cục VSATTP, Sở Y tế...
- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá về hãng sản xuất, nước sản xuất...
- Hạn dùng đúng và do nhà sản xuất ghi trên bao bì, vỉ, lọ, ống... không tẩy xóa, in lại.

3. Cam kết về giá:

- Chúng tôi cam kết giá của các sản phẩm do công ty chúng tôi phân phối nằm trong phạm vi giá đã đăng ký với cơ quan quản lý.

- Theo đó, vì bất kỳ lý do nào, nếu các cơ quan thanh tra, kiểm tra và bảo vệ pháp luật phát hiện thấy công ty vi phạm những điều chúng tôi đã cam kết, thì chúng tôi chấp nhận:

+ Bệnh viện Nhi Hà Nội hủy hợp đồng và không giao dịch với công ty trong việc cung ứng hàng hóa, đồng thời bệnh viện có thể thông báo rộng rãi vi phạm của chúng tôi cho các cơ sở y tế trong toàn quốc.

+ Công ty xin mua lại toàn bộ số hàng hóa còn lại theo giá bán ra của Nhà thuốc Bệnh viện Nhi Hà Nội.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Bệnh viện.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 4
BẢNG BÁO GIÁ THUỐC
 (Đính kèm Thông báo số **369/TB-BVNH** ngày **28** tháng **7** năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

Công ty:
 Địa chỉ:
 Email:
 Người liên hệ:
 Số điện thoại liên lạc:

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hà Nội

STT	STT theo danh mục mời chào giá	Hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	SDK hoặc số GPNK	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá chào (có VAT)	Quyết định và ngày trúng thầu đối với giá chào	Giá kê khai trên công	Nơi trúng thầu giá thấp nhất			Nơi trúng thầu giá cao nhất		
																Nơi trúng thầu	Quyết định và ngày trúng thầu	Giá trúng thầu thấp nhất	Nơi trúng thầu	Quyết định và ngày trúng thầu	Giá trúng thầu cao nhất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025
 Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu

